

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

Số: **1903/QĐ-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trà Vinh, ngày **09** tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Đổi mới, phát triển
trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030"
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án "Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TBXH (b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- BLĐ VP;
- Các Phòng NC;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KGVX. 81

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



*** Kim Ngọc Thái**

KẾ HOẠCH**Thực hiện Đề án "Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội
giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030"
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1903 /QĐ-UBND
ngày 09 /10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. QUAN ĐIỂM

1. Bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của các cấp, các ngành, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trong đó, nguồn lực đầu tư của Nhà nước giữ vai trò quan trọng. Đầu tư cho an sinh xã hội là đầu tư cho phát triển. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp xã hội; đồng thời, tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh, không ngừng cải thiện, nâng cao tinh thần, vật chất, bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Trợ giúp xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh, xu hướng của đất nước và từng bước tiếp cận với mức sống tối thiểu trong từng thời kỳ; ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

3. Trợ giúp xã hội phải đa dạng về mô hình, toàn diện cả vật chất và tinh thần phù hợp với vòng đời con người, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân; bảo đảm người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ Nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

II. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu giai đoạn 2017 - 2020:**

- 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện mở rộng đối tượng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của Nhà nước sống ở vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025:

- 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; điều chỉnh nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng; thực hiện trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng dân tộc thiểu số; tiếp tục thực hiện mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

3. Tầm nhìn đến năm 2030:

- 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; thực hiện mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; điều chỉnh nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng khi có hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

- 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc trợ giúp xã hội cho đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

- Vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, giúp đỡ với mọi hình thức hợp pháp để hỗ trợ các đối tượng gặp khó khăn, vùng bị thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

- Cung cấp các dịch vụ trợ giúp xã hội cho nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhóm đối tượng bảo trợ xã hội.

- Xây dựng môi trường an toàn, thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và nhóm đối tượng bảo trợ xã hội chủ động tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với hoàn cảnh và lứa tuổi.

2. Thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội:

Thực hiện tốt chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; chính sách trợ giúp cho các nhóm đối tượng mở rộng theo quy định.

3. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh đủ điều kiện chăm sóc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội:

Tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm bảo trợ xã hội phù hợp với quy mô, số lượng đối tượng và tình hình thực tế của Trung tâm để ngày càng chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội và các nhóm đối tượng khác theo quy định.

4. Hỗ trợ các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động có hiệu quả góp phần cùng với Nhà nước thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập theo quy định của Chính phủ.

5. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin bảo trợ xã hội:

Triển khai và quản lý tốt cơ sở dữ liệu phần mềm trong công tác quản lý, giải quyết, chi trả trợ giúp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội.

6. Phát triển nguồn nhân lực làm công tác trợ giúp xã hội:

- Lồng ghép với kế hoạch phát triển nghề công tác xã hội để phát triển đội ngũ làm công tác trợ giúp xã hội.

- Tiếp tục đào tạo, tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trong lĩnh vực trợ giúp xã hội.

- Tuyên truyền, tập huấn cho gia đình về kỹ năng trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong chỉ đạo, huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

- Tổ chức các chiến dịch truyền thông, vận động xã hội tham gia thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, trợ giúp đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng bảo trợ xã hội nhân Tháng hành động vì trẻ em, Tết Nguyên đán, Ngày vì người nghèo, Tháng hành động vì người cao tuổi,...

- Tổ chức các hoạt động truyền thông, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức phong phú, để nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về Luật trẻ em, Luật người khuyết tật, Luật người cao tuổi,...; các văn bản hướng dẫn thi hành và những chủ trương, chính sách, chương trình, đề án, dự án liên quan đến trợ giúp xã hội.

3. Công tác quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội:

- Thống nhất một cơ quan quản lý nhà nước về trợ giúp xã hội; bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các sở, ngành liên quan.

- Cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giải quyết, chi trả trợ giúp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt chính sách trợ cấp xã hội, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và các chính sách có liên quan đến hỗ trợ thực hiện.

4. Quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội:

- Thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về trợ giúp xã hội. Nâng cao chất lượng đời sống của nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và vai trò của các cơ sở trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội.

- Phát huy năng lực, hiệu quả của các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, hỗ trợ các cơ sở trợ giúp xã hội công lập có đủ điều kiện trợ giúp toàn diện cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Xã hội hóa công tác chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội tại cơ sở theo hướng tăng đối tượng có nhu cầu được nuôi dưỡng theo hình thức tự nguyện.

- Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội dành cho đối tượng bảo trợ xã hội, đảm bảo tiếp nhận 100% đối tượng đủ điều kiện được nuôi dưỡng tập trung tại cơ sở bảo trợ xã hội.

6. Huy động các nguồn lực trợ giúp xã hội:

- Tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương và vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh trong việc hỗ trợ, giúp đỡ nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nhóm đối tượng bảo trợ xã hội; đồng thời, phát hiện và can thiệp sớm các trường hợp để có hướng bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp phù hợp.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

7. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về trợ giúp xã hội:

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành, liên ngành về việc thực hiện các chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội.

- Phối hợp trong việc cung cấp thông tin, theo dõi, giám sát việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch này.

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách Nhà nước; huy động các nguồn lực hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; lồng ghép nguồn kinh phí Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu hỗ trợ phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020 và các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổng hợp báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định.

- Phối hợp đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức và cộng tác viên làm công tác trợ giúp xã hội.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành tỉnh có liên quan huy động mọi nguồn lực để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

3. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ngành tỉnh có liên quan và khả năng cân đối ngân sách bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật.

4. Các sở, ngành tỉnh: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện Kế hoạch này.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ Kế hoạch này và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn; lồng ghép thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức thành viên:
Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; huy động đoàn viên, hội viên của tổ chức mình tham gia công tác trợ giúp xã hội./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Kim Ngọc Thái